ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1087/UBND-CNXD V/v điều chỉnh một số nội dung dự án Đường Tịnh Phong - Cảng Dung Quất II	*Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 3 năm 2015*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 1683 Ngày: 18/3/15 Chuyển:

Kính gửi:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy (tại Thông báo số 434-TB/TU ngày 15/10/2012, Thông báo số 1325-TB/TU ngày 18/10/2012), ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (tại Công văn số 227/HĐND-KTNS ngày 18/9/2012), Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II (Dự án) tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 và giao Sở Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư.

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2580/TTg-KTTH ngày 16/12/2014 về việc vốn đầu tư thực hiện Dự án đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở Tờ trình số 03/TTr-CP ngày 05/01/2015 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về vốn đầu tư Dự án đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất 2, tỉnh Quảng Ngãi và Văn bản số 2099/BTC-ĐT ngày 10/02/2015 của Bộ Tài chính về việc báo cáo bổ sung về dự án đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II; tại cuộc họp giao ban UBND tỉnh ngày 02/3/2015, sau khi Sở Giao thông vận tải báo cáo về nội dung Dự án, tập thể thành viên UBND tỉnh thống nhất và kính báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh một số nội dung Dự án, cụ thể như sau:

1. Tóm tắt nội dung dự án đã phê duyệt:

- Cấp đường: Đường phố chính đô thị chủ yếu.
- Tốc độ thiết kế: V_{tk} = 80km/h.
- Chiều dài tuyến: L = 16.568m (trong đó 540m đầu tuyến do dự án Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đầu tư).
  + Điểm đầu: Giao với đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.
  + Điểm cuối: Tại nút số 13 của Khu công nghiệp Dung Quất II.
- Mặt cắt ngang: Nền đường B_n = 70m, mặt đường B_m = 2x16m = 32m, vỉa hè B_{vh} = 2x12m = 24m, dải phân cách giữa B_{pc} = 14m.
- Vỉa hè lát gạch Terrazzo.
- Mặt đường bêtông nhựa E_{yc} = 155Mpa.
- Tần suất thiết kế nền đường P = 4%.

- Thoát nước ngang:

+ Cầu: Thiết kế bằng BTCT với tải trọng HL93; tần suất thiết kế cầu lớn và cầu trung P = 1%, cầu nhỏ P = 4%; mỗi cầu gồm hai đơn nguyên, khoảng cách tim giữa hai đơn nguyên là 30m, bề rộng mỗi đơn nguyên B = 5m+16m+0,5m = 21,5m.

+ Cống: Thiết kế bằng BTCT với tải trọng H30-XB80, tần suất thiết kế P = 4%, khổ cống bằng khổ nền đường.

- Hệ thống thoát nước dọc, điện chiếu sáng, cây xanh.

- Hệ thống an toàn giao thông.

- Tổng mức đầu tư dự án: **4.434.653 triệu đồng**, được chia làm hai giai đoạn:

+ Giai đoạn I: Đầu tư xây dựng hoàn thiện nền đường (70m), công trình thoát nước ngang; mặt đường mỗi bên hai làn xe và an toàn giao thông, với tổng khi phí đầu tư: **2.500.000 triệu đồng**.

+ Giai đoạn II: Đầu tư xây dựng hoàn thiện mặt đường mỗi bên hai làn xe còn lại, cây xanh, điện chiếu sáng, điện trang trí, vỉa hè, thoát nước dọc, an toàn giao thông, với tổng kinh phí đầu tư: **1.934.653 triệu đồng**.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2012 - 2018.

+ Giai đoạn I: 2012 - 2015.

+ Giai đoạn II: 2016 - 2018.

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương.

2. Kết quả thực hiện dự án đến hết năm 2014: Sở Giao thông vận tải đã triển khai thực hiện hoàn thành các công việc sau:

- Hoàn thành công tác tổ chức khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình (giai đoạn I).

- Hoàn thành công tác đo vẽ, lập bản đồ địa chính và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm tra lần 1.

- Hoàn thành công tác cắm cọc giải phóng mặt bằng (GPMB) ngoài thực địa.

- Hoàn thành công tác rà phá bom mìn, vật nổ.

- Tổng giá trị khối lượng các công việc hoàn thành đến hết năm 2014: 39.743 triệu đồng.

- Tổng kinh phí đã bố trí: 39.650 triệu đồng. Trong đó: năm 2012: 650 triệu đồng; năm 2013: 39.000 triệu đồng.

3. Đề xuất điều chỉnh phương án phân kỳ đầu tư:

Dự án khi hoàn thành sẽ tạo động lực để khai thác tiềm năng, thu hút các dự án đầu tư tại khu công nghiệp VSIP, Khu kinh tế Dung Quất gắn với lợi thế cụm cảng nước sâu Dung Quất II. Hiện nay, khu bến cảng biển Dung Quất II đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết và trong thời gian qua tỉnh Quảng Ngãi đã và đang tích cực xúc tiến kêu gọi các

nhà đầu tư trong nước và quốc tế đầu tư cụm cảng nước sâu Dung Quất II, nhất là ngành công nghiệp nặng. Vì vậy, nhu cầu đi lại nhằm kết nối giao thông từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với Quốc lộ 1 qua khu công nghiệp đô thị dịch vụ VSIP đến cảng Dung Quất II đến năm 2020 là rất lớn. Do đó, việc đầu tư hoàn thiện phần mặt đường theo quy mô dự án được duyệt là cần thiết, còn phần vỉa hè trong giai đoạn hiện nay là chưa thật sự cần thiết và nên đầu tư sau năm 2020. Xuất phát từ nội dung phân tích nêu trên, Sở Giao thông vận tải đề xuất điều chỉnh phương án phân kỳ đầu tư như sau:

3.1. Quy mô đầu tư giai đoạn I:

TT	Thông số kỹ thuật	**Phương án 1** **B_n = 39m** (*Mặt đường 24m, GPMB trong phạm vi nền đường 39m*)	**Phương án 2** **B_n = 48m** (*Mặt đường 24m, GPMB trong phạm vi nền đường 48m*)	**Phương án 3** **B_n = 48m** (*Mặt đường 32m, GPMB trong phạm vi nền đường 70m*)
1	Bề rộng nền đường	39 m	48 m	48 m
	Bề rộng mặt đường	3,75 m x 3 làn x 2 + 0,75m x2 (dải ATGT giữa vỉa hè, dải phân cách và làn xe) = **24 m**	3,75 m x 3 làn x 2 + 0,75m x2 (dải ATGT giữa lề đường, dải phân cách và làn xe) = **24 m**	3,75 m x 4 làn x 2 + 1 m x2 (dải ATGT giữa lề đường, dải phân cách và làn xe) = **32 m**
	Bề rộng dải phân cách giữa	5 m	14 m + 8m (2 làn xe dự trữ)	14 m
	Bề rộng vỉa hè	5m x 2 = 10 m (lát gạch vỉa hè)	1 m (lề đất)	1 m (lề đất)
2	Các nội dung khác	Đầu tư hệ thống thoát nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè, vỉa hè, cây xanh, an toàn giao thông	Đầu tư cây xanh, hoàn thiện hệ thống ATGT; không đầu tư hệ thống nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè, vỉa hè	Đầu tư cây xanh, hoàn thiện hệ thống ATGT; không đầu tư hệ thống nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè, vỉa hè
3	Bề rộng GPMB theo mặt cắt ngang	39 m	48 m	70 m
4	Tổng diện tích sử dụng đất	81,67 ha	96,66 ha	140 ha
5	Tổng số hộ bị ảnh hưởng di dời nhà cửa	165 hộ	185 hộ	404 hộ
	Cả 3 phương án nêu trên đều không đầu tư hệ thống điện chiếu sáng			

3.2. Về tổng mức đầu tư của giai đoạn I:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Hạng mục kinh phí	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3
1	Chi phí xây dựng	1.780.425	1.588.033	1.707.713
2	Chi GPMB, tái định cư	330.000	398.562	498.562
3	Chi phí quản lý dự án	13.523	12.209	13.232
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	48.192	45.900	46.858
5	Chi phí khác	27.186	26.810	27.607
6	Chi phí dự phòng (10% khối lượng +10% trượt giá):	373.865	334.590	359.182
	Tổng cộng:	**2.573.192**	**2.406.104**	**2.653.055**

3.3. Phân tích ưu, nhược điểm các từng phương án:

a) Phương án 1:

- Ưu điểm: Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng (vỉa hè, hệ thống thoát nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè, an toàn giao thông).

- Nhược điểm:

+ Với quy mô nền đường là 39m thì phải thay đổi toàn bộ mặt cắt ngang trong đó điều chỉnh dải phân cách giữa từ 14m xuống còn 5m là sai khác so với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 và thay đổi thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Để điều chỉnh nội dung này thì phải có ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành của Trung ương và Thủ tướng Chính phủ, do vậy rất mất nhiều thời gian và khả năng khởi công dự án vào cuối quý II năm 2015 là khó khả thi.

+ Khi có nhu cầu cần mở rộng mặt đường từ 3 làn xe cơ giới lên 4 làn xe cơ giới theo quy hoạch được duyệt thì phải phá bỏ toàn bộ vỉa hè nên rất lãng phí.

+ Công tác cắm cọc GPMB tại thực địa với quy mô nền đường 70m do vậy việc cấp phép xây dựng các công trình dọc tuyến phải nằm ngoài mốc GPMB nên sẽ cách xa phần nền đường đầu tư giai đoạn I.

b) Phương án 2:

- Ưu điểm:

+ Phương án này tuân thủ theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thiết kế cơ sở đã được Chủ tịch UND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/10/2012.

+ Có làn dữ trự để phục vụ khi có nhu cầu mở rộng mặt đường từ 3 làn xe cơ giới lên 4 làn xe cơ giới (làn dự trữ ở dải phân cách giữa) so với phương án 1.

- Nhược điểm:

+ Chưa đầu tư hoàn thiện mặt đường và đồng bộ vỉa hè, hệ thống thoát nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè.

+ Khi có nhu cầu cần mở rộng mặt đường từ 3 làn xe cơ giới lên 4 làn xe cơ giới thì tính đồng bộ và đồng đều về chất lượng mặt đường không tốt, đồng thời sẽ phá bỏ một phần bó vỉa dải phân cách giữa nên sẽ gây lãng phí.

+ Công tác cắm cọc GPMB tại thực địa với quy mô nền đường 70m do vậy việc cấp phép xây dựng các công trình dọc tuyến phải nằm ngoài mốc GPMB nên sẽ cách xa phần nền đường đầu tư giai đoạn I.

c) Phương án 3:

- Ưu điểm:

+ Phương án này tuân thủ theo Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thiết kế cơ sở đã được Chủ tịch UND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/10/2012.

+ Đầu tư hoàn thiện mặt đường theo đúng quy hoạch và quy mô dự án được duyệt nên việc thi công sẽ đồng bộ, đồng đều về chất lượng mặt đường.

+ Việc GPMB trong toàn bộ mốc GPMB 70m đã cắm tại thực địa sẽ góp phần thuận lợi trong việc triển khai đầu tư giai đoạn II của Dự án sau này.

- Nhược điểm:

+ Chưa đầu tư hoàn thiện phần vỉa hè, hệ thống thoát nước dọc, hào kỹ thuật trên vỉa hè.

+ Công tác quản lý phần đất đã giải tỏa đền bù nhưng chưa đầu tư trong giai đoạn 1 sẽ rất khó khăn cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.

3.4. Lựa chọn phương án: Qua phân tích các phương án nêu trên, tập thể UBND tỉnh đã thống nhất lựa chọn phương án 3.

4. Thời gian thực hiện và hạng mục công việc đầu tư:

Nếu được cho phép thực hiện theo phương án 3, UBND tỉnh kính đề nghị cho phép điều chỉnh thời gian thực hiện và hạng mục công việc đầu tư, như sau:

Giai đoạn	Đã phê duyệt	Xin điều chỉnh
Giai đoạn I	2012 - 2015: Xây dựng hoàn thiện nền đường, công trình thoát nước ngang; mặt đường mỗi bên hai làn xe và an toàn giao thông	2015 - 2018: Xây dựng nền đường rộng 48m, công trình thoát nước ngang; mặt đường mỗi bên 4 làn xe, cây xanh trong dải phân cách giữa và an toàn giao thông (GPMB trong phạm vi nền đường rộng 70m)
Giai đoan II	2016 - 2018: Xây dựng hoàn thiện phần còn lại của dự án	2021 - 2025: Xây dựng hoàn thiện phần còn lại của dự án
Thời gian thực hiện dự án	2012 - 2018	2012 - 2025

5. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

Được sự thống nhất của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2580/TTg-KTTH ngày 16/12/2014 về việc vốn đầu tư thực hiện Dự án đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II, tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ thống nhất hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Dự án từ nguồn nguồn vượt thu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất phần do ngân sách trung ương hưởng năm 2014 và các năm tiếp theo, mức hỗ trợ không quá 2.500 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo ý kiến kết luận tại cuộc họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào ngày 10/3/2015 thì Dự án được hỗ trợ vốn để đầu tư từ nguồn vốn vượt thu Ngân sách Trung ương năm 2014; vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị điều chỉnh lại cơ cấu nguồn vốn đầu tư của giai đoạn 1, như sau:

Nội dung điều chỉnh	**Đã được phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 30/10/2012**	**Đề nghị điều chỉnh nguồn vốn giai đoạn I**
Nguồn vốn đầu tư	Ngân sách tỉnh: Chi phí chuẩn bị đầu tư; khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; khảo sát, thi công rà phá bom mìn, vật nổ; đo vẽ và lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Ngân sách Trung ương: Phần còn lại	Ngân sách tỉnh: **153.055 triệu đồng.** (gồm chi phí chuẩn bị đầu tư; khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; khảo sát, thi công rà phá bom mìn, vật nổ; đo vẽ và lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất và các nội dung khác) Ngân sách Trung ương: **2.500.000 triệu đồng.**

Kính trình Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có kiến về một số nội dung xin điều chỉnh nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VPUB: CVP, PCVP(CN), CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.140.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Viết Chữ